

Bản án số: 185/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-12-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Minh Thu

Bà Lê Thị Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:* Bà Nhữ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2019/ TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về: “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXX - ST ngày 26/10/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2020/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trương Thị H - Sinh năm: 1973

HKTT: Thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.
Có mặt.

* Bị đơn: Anh Bùi Văn B - Sinh năm: 1972

HKTT: Thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.
Có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 1. Ông Trương Viết Hiền – sinh năm 1951.

HKTT: Thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.
Có mặt.

2. Chị Trương Thị Hậu – sinh năm 1976

HKTT: Thôn Sông Mã, xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

3. Bùi Văn Kỷ - sinh năm 1982

HKTT: Thôn Cốc Cáo, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.
Vắng mặt.

* Người làm chứng: 1. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Anh Tuấn – chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

2. Anh Dương Đình Chung - Sinh năm: 1990

HKTT: Thôn Trung Dương, xã Lương Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/01/2020 và tại phiên tòa chị Trương Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Văn B quen biết nhau và đi đến hôn nhân, tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ năm 1993. Đến năm 2003 đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B hay uống rượu, không chịu tu trí làm ăn giúp đỡ vợ con. Khi chị góp ý thì anh B chửi bới đánh đập chị, đe dọa giết chị. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con cái: Vợ chồng chị có 02 con chung là Bùi Thị Thiệu – sinh năm 1995 và Bùi Văn Thành – sinh năm 1996. Cả 02 con đều đã thành niên lập gia đình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng chị có những tài sản chung sau: 01 mảnh đất ở tại nông thôn, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 02, diện tích 1696 m² và 01 ngôi nhà ba gian cấp 4, 01 nhà bếp trên đất tại thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước; 01 mảnh đất ở diện tích 500 m², 500 m² đất rừng cọ vườn tạp, 03 sào đất ruộng, 06 sào đất trồng rừng tại thôn Cốc Cáo xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước; 01 con trâu.

Về công nợ: Vay của ông Trương Viết Hiền (bố đẻ chị Hạnh) 41.797.126 đồng để trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước và 24.500.000 đồng để mua trâu, xe trâu và làm chuồng trại. Nợ anh Dương Đình Chung số tiền 7.000.000 đồng để anh Chung đổ đất trước nhà chống sạt lở. Nợ chị gái là Trương Thị Hậu số tiền 5.150.000 đồng để làm đám cưới cho con trai chị là Bùi Văn Thành. Vay của Ngân hàng chính sách xã hội Bá Thước số tiền 50.000.000 đồng để mua trâu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/12/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Bùi Văn B trình bày: Anh và chị Hạnh tự do yêu đương, tìm hiểu, tổ chức cưới theo phong tục tập quán vào năm 1993. Đến năm 2003 do chính sách của xã nên vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2003 tại UBND xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Quá trình chung sống mỗi khi nhà có việc anh cũng có quá chén, say rượu về nhà có mắng chửi vợ con nhưng không đánh đập, cuộc sống diễn ra bình thường như bao gia đình khác. Nay chị H làm đơn ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng anh có 02 con chung là Bùi Thị Thiệu – sinh năm 1995 và Bùi Văn Thành – sinh năm 1996. Cả 02 con đều đã thành niên lập gia đình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tại thôn Dân Long, xã Lương Ngoại vợ chồng anh có 01 nhà và đất ở đứng tên 02 vợ chồng. Bố mẹ chị H cho mượn đất để canh tác 01 rừng luồng khoảng 6,2 ha (trước đó anh Bằng khai 6 sào), 03 sào mía, 01 sào ruộng lúa. Anh đồng ý trả lại đất cho bố mẹ chị H nhưng phải cho thu hoạch hết cây cối, hoa màu trên đất. Tại thôn Cốc Cáo, xã Lương Ngoại vợ chồng anh có 01 sào ruộng lúa, 01 rừng luồng khoảng 03 sào, 01 vườn cọ tầm 7 bụi khoảng 15 m². 01 con trâu. Thời

điểm hiện tại các tài sản tại thôn Cốc Cáo không còn gì vì lý do: Năm 1995 vợ chồng ra ở riêng, bố mẹ anh chia cho 4 mảnh đất như trình bày của chị H. Năm 1997 vợ chồng chuyển xuống thôn Dân Long sinh sống vì vậy nhà nội đã lấy lại đất ở và 500 m² đất rừng cọ vườn tạp. Còn 03 sào đất ruộng (trước đó anh Bằng khai 01 sào) và 6 sào đất rừng (trước đó anh B khai 03 sào) hiện tại sổ đỏ mang tên anh, nhưng năm 2005 do có khó khăn về kinh tế anh đã cầm cho em trai anh là Bùi Văn Kỷ lấy 5.000.000 đồng và hiện tại em trai anh đang giữ sổ đỏ 02 mảnh đất trên.

Về công nợ: Anh công nhận nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Bá Thước số tiền 50.000.000 đồng để mua trâu, anh đồng ý giao trâu cho chị Hạnh và để chị H có trách nhiệm trả khoản nợ trên. Các khoản nợ còn lại anh thấy có vật liệu chở về nhà, có đất đồ trước nhà, có tổ chức đám cưới cho con nhưng không biết tiền ở đâu để làm những việc này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Viết Hiền trình bày:

Ông là bố đẻ chị H, do con gái khó khăn nên ông có cho vợ chồng chị H và anh B vay 41.797.126 đồng để làm nhà và 24.500.000 đồng để mua trâu, xe trâu và làm chuồng trại, tính lãi 01% tháng, khi nào có điều kiện chị H và anh B sẽ trả cả gốc lẫn lãi. Hiện nay chị H và anh B chưa trả được cho ông số tiền trên. Nay vợ chồng chị H và anh B ly hôn, ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh B và chị H trả toàn bộ số tiền trên và lãi theo thỏa thuận cho ông.

Chị Trương Thị Hậu trình bày: Chị với chị H là hai chị em ruột. Do chị H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, cần tiền để làm đám cưới cho con trai là Bùi Văn Thành nên chị H có hỏi vay tiền chị. Vào ngày 20/02/2019 chị có cho chị H vay số tiền 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) để mua lợn làm đám cưới cho cháu Thành. Hai bên thống nhất khi công việc đám cưới của cháu Thành xong xuôi chị H sẽ trả tiền cho chị. Tuy nhiên hiện nay số tiền này vợ chồng chị H vẫn chưa trả chị. Chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị H và anh B trả số tiền trên cho chị.

Anh Bùi Văn Kỷ trình bày: Anh trai anh là Bùi Văn B có khai đã cầm cho anh 03 sào đất ruộng và 06 sào đất đồi để lấy 5 triệu đồng. Nhưng thực tế anh chỉ được cầm sổ đỏ 03 sào đất ruộng, còn sổ đỏ 06 sào đất rừng là anh không được cầm. Còn 500 m² đất rừng cọ vườn tạp hiện nay đang ở đất sổ đỏ của anh. Hiện nay anh đang trồng lúa trên 03 sào đất ruộng, còn 06 sào đất rừng anh B đang sử dụng anh cũng không biết có sổ đỏ hay chưa. Nguyên vọng của anh là trả lại tiền cho anh 5 triệu đồng để anh trả lại 03 sào đất ruộng cho anh B.

Người làm chứng: Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước trình bày: Ngày 28/11/2013 bà Trương Thị H đứng tên đại diện hộ gia đình vay vốn chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 8.000.000 đồng, thời hạn xin vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 28/11/2018. Ngày 25/09/2013 bà Trương Thị H đứng tên đại diện hộ gia đình vay vốn chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 25/9/2018. Ngày 09/03/2018, ông Trương Viết Hiền đến Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước trả hết khoản nợ do bà Trương Thị H đứng tên vay vốn nêu trên, số tiền trả là 38.106.619 đồng, trong đó trả nợ gốc 38.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày trả nợ là 106.619 đồng. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước khẳng định ông Trương Viết Hiền

chưa từng vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng để mua trâu, ngày 06/11/2020 Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước đã có công văn số 716/NHCS – KNTC khẳng định chị Trương Thị Thủy là chị gái chị H đã trả hết nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước thay cho vợ chồng chị H và anh B.

Anh Dương Đình Chung trình bày: Vào khoảng tháng 4/2019 anh hợp đồng đổ đất vào vườn trước nhà cho nhà chị Trương Thị H và anh Bùi Văn B. Tổng số tiền đổ đất là 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng). Gia đình chị Hạnh hẹn đến tháng 9/2019 sẽ trả tiền. Tuy nhiên, anh đã nhiều lần gặp anh B và chị H để đòi nhưng anh B và chị H không trả. Mãi đến khoảng giáp tết năm 2020 chị H vay tiền của một người phụ nữ ở thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước trả cho anh. Chị H không trực tiếp trả cho anh mà bảo anh lên nhà một người phụ nữ ở thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước lấy số tiền 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng). Anh đã nhận đủ số tiền mà chị Hạnh trả không yêu cầu đề nghị gì. Hiện tại anh không còn liên quan gì đến nợ nần với gia đình chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập chị H và anh B lên Tòa án để tiến hành đối chất các tài sản. Tuy nhiên, sau khi cho đối chất xong, anh B bỏ về không ký biên bản. Quá trình hòa giải các bên đương sự không thống nhất thỏa thuận được với nhau. Tòa án cũng đã tiến hành thẩm định định giá các tài sản chung của vợ chồng anh B. Tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa các đương sự xuất trình thêm các tài liệu chứng cứ liên quan đến tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu chứng cứ và tiến hành thẩm định, định giá các tài sản phát sinh thêm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh B. Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Thiệu – sinh năm 1995 và Bùi Văn Thành – sinh năm 1996. Cả 02 con đều đã thành niên lập gia đình nên miễn xét. Về tài sản: Đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Về án phí: Gia đình chị H và anh B thuộc hộ nghèo, đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị H và anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Bùi Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B hay uống rượu say, không chịu tu chí làm ăn giúp đỡ vợ con. Thường xuyên rượu chè bê tha chửi bới đánh đập chị H, lên nỏ, mài dao đe dọa giết chị H. Việc này đã được địa phương xác nhận xác nhận, phù hợp với nội dung xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án. Tuy anh B không đồng ý ly hôn

nhưng Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Bằng để giải phóng cho người phụ nữ là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Thiệu – sinh năm 1995 và Bùi Văn Thành – sinh năm 1996. Cả 02 con đều đã thành niên lập gia đình nên miễn xét.

[3] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án đã xác định được cụ thể vợ chồng anh B và chị H có những tài sản chung như sau: 01 mảnh đất ở tại nông thôn, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 02, diện tích 1696 m², trên đất có 01 ngôi nhà ba gian cấp 4, 01 nhà bếp, bán bình, chuồng trại, sân lát gạch tại thôn Dàn Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước; 01 mảnh đất lâm nghiệp, thời hạn sử dụng 50 năm, số thửa 33, diện tích 3000 m² tại thôn Cốc Cáo, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước; 01 mảnh đất nông nghiệp, thời hạn sử dụng 50 năm kể từ ngày 01/7/2014, bao gồm 5 thửa, tờ bản đồ số 16, tổng diện tích 947,5 m² tại thôn Cốc Cáo, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE S Biển kiểm soát 36G5 – 060.98; 01 con trâu. Kết quả định giá xác định 01 mảnh đất ở tại nông thôn trị giá 339.200.000 đồng; nhà cấp 4 trị giá 9.717.000 đồng; nhà bếp trị giá 7.479.000 đồng; bán bình trị giá 8.596.000 đồng; chuồng trại trị giá 3.186.000 đồng; sân lát gạch trị giá 2.418.000 đồng; 01 mảnh đất nông nghiệp trị giá 18.950.000 đồng; 01 mảnh đất Lâm nghiệp trị giá 4.500.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA trị giá 4.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản là 398.046.000 đồng. Xét thấy mảnh đất ở tại thôn Dàn Long, xã Lương Ngoại có hình thù phức tạp, việc chia đôi mảnh đất rất khó khăn ảnh hưởng đến kết cấu các công trình trên đất. Hơn nữa, anh Bằng suốt ngày bê tha rượu chè, chửi bới, đe dọa chém giết chị Hạnh khiến chị Hạnh không dám ở nhà phải đi làm xa lánh nạn, nếu chia đôi mảnh đất để hai bên sinh sống cạnh nhau sẽ phát sinh, tiềm ẩn nhiều phức tạp, đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng và sự bình yên thôn xóm. Mặt khác, mảnh đất trên có nguồn gốc từ phía gia đình chị H, chị H là người phụ nữ nên cần ưu tiên cho chị H được sử dụng mảnh đất và các tài sản trên đất đồng thời đưa tiền chênh lệch về tài sản cho anh B nhưng có tính đến công sức đóng góp của chị H trong việc tạo lập, duy trì và phát triển mảnh đất này là phù hợp pháp luật. Đối với 02 mảnh đất nông nghiệp và lâm nghiệp tại thôn Cốc Cáo, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước có nguồn gốc từ bố mẹ anh B, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh B nghĩ nên giao cho anh B tiếp tục sử dụng, anh B có nghĩa vụ đưa tiền chênh lệch đối với 02 mảnh đất này cho chị H là phù hợp pháp luật

[3.1]. Đối với 01 con trâu, khi mua trâu vợ chồng chị H và anh B vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước 50.000.000 đồng để mua con trâu này. Quá trình giải quyết vụ án chị H, anh B đã thỏa thuận với nhau người nào sở hữu con trâu này sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Hiện tại chị gái chị H là Trương Thị Thủy đã trả hết khoản nợ 50.000.000 đồng là khoản vay để mua con trâu cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước đồng thời sở hữu con trâu này. Việc này hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận của chị Hạnh và anh Bằng, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này.

[3.2]. Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE S, Biển kiểm soát 36G5 – 060.98 cần giao cho anh Bằng tiếp tục sử dụng đồng thời anh B

có nghĩa vụ đưa tiền chênh lệch đối với chiếc xe máy này cho chị H là phù hợp pháp luật

[3.3]. Đối với 01 mảnh đất ở diện tích 500 m² và 500 m² đất rừng cọ vườn tạp, 03 sào đất ruộng, 06 sào đất trồng rừng tại thôn Cốc Cáo xã Lương Ngoại. Chị H khai có nguồn gốc là của bố mẹ anh B. Anh B khai: Năm 1997 vợ chồng chuyển xuống thôn Dân Long sinh sống vì vậy nhà nội đã lấy lại đất ở và 500 m² đất rừng cọ vườn tạp. Còn 03 sào đất ruộng và 6 sào đất rừng hiện tại sổ đỏ mang tên anh, nhưng năm 2005 do có khó khăn về kinh tế anh đã cầm cho em trai anh là Bùi Văn Kỷ lấy 5.000.000 đồng. Anh Kỷ khai: anh chỉ được cầm sổ đỏ 03 sào đất ruộng, còn sổ đỏ 06 sào đất rừng là anh không được cầm. Còn 500 m² đất rừng cọ vườn tạp hiện nay đang ở đất sổ đỏ của anh. Hiện nay anh đang trồng lúa trên 03 sào đất ruộng, còn 06 sào đất rừng anh B đang sử dụng anh cũng không biết có sổ đỏ hay chưa. Nguyên vọng của anh là trả lại tiền cho anh 5 triệu đồng để anh trả lại 03 sào đất ruộng cho anh B. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần xác minh và đề nghị UBND xã Lương Ngoại cung cấp thông tin về việc chị Trương Thị Hạnh và anh Bùi Văn B đứng tên trên những mảnh đất nào tại xã Lương Ngoại và được UBND xã Lương Ngoại cho biết: “ Theo sổ địa chính của UBND xã Lương Ngoại thì ngoài thửa đất ở tại thôn Dân Long, xã Lương Ngoại thì chị Trương Thị Hạnh và anh Bùi Văn Bằng không đứng tên trên bất kỳ mảnh đất nào khác tại xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước”, sau đó các đương sự xuất trình thêm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 mảnh đất lâm nghiệp và nông nghiệp tại thôn Cốc Cáo, xã Lương Ngoại mang tên anh Bùi Văn B nên chỉ có căn cứ để xem xét phân chia 02 mảnh đất này. Còn đối với mảnh đất ở diện tích 500 m² và 500 m² đất rừng cọ vườn tạp như chị H khai nhưng chưa đủ căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3.1]. Riêng đối với mảnh đất nông nghiệp anh B đã cầm cố cho anh Bùi Văn Kỷ để lấy 5.000.000 đồng. Việc cầm cố này chị H không biết nên chị H không có nghĩa vụ liên đới phải trả cho anh Kỷ. Vì vậy, cần buộc anh B có nghĩa vụ trả cho anh Bùi Văn Kỷ số tiền 5.000.000 đồng để anh Kỷ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B là đúng quy định của pháp luật.

[3.4]. Đối với các mảnh đất tại thôn Dân Long, anh B khai: Bố mẹ chị H cho mượn đất để canh tác 01 rừng luồng khoảng 6,2 ha, 03 sào mía, 01 sào ruộng lúa. Anh đồng ý trả lại đất cho bố mẹ chị H nhưng phải cho thu hoạch hết cây cối, hoa màu trên đất. Tại biên bản làm việc ngày 08/10/2020 của Tòa án anh B cho biết rừng luồng trồng trên đất của bố đẻ chị H, bố đẻ chị H là ông Hiền cho mượn đất để trồng rừng luồng. Đã thu hoạch 01 lần bán được 03 triệu, trả công chặt 1.500.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng, ông Hiền lấy 1.000.000 đồng và đưa cho anh Bằng 500.000 đồng. Hiện nay trên rừng còn lại vài bụi luồng không đáng kể nên anh B cho nhà ông Hiền không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng 03 sào mía, 01 sào ruộng lúa. Quá trình giải quyết vụ án các bên đã thỏa thuận anh B thu hoạch mía, chị H thu hoạch lúa xong trả lại đất cho bố mẹ chị H. Các bên đã thu hoạch xong nên miễn xét.

[4]. Về công nợ:

[4.1]. Đối với khoản vay của ông Trương Viết Hiền: Theo chị H khai: Vay của ông Trương Viết Hiền (bố đẻ chị Hạnh) 41.797.126 đồng để trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước và 24.500.000 đồng để mua trâu, xe trâu

và làm chuồng trại. Anh B khai không biết và không thừa nhận việc này. Chị H cung cấp 02 giấy vay tiền có chữ ký của chị Hạnh với ông Hiền. Xét thấy, chị H và anh B có hoàn cảnh khó khăn và cũng có nhiều lần giao dịch vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước để phục vụ cho sinh hoạt chung của gia đình. Cụ thể: Ngày 28/11/2013 bà Trương Thị H đứng tên đại diện hộ gia đình vay vốn chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 8.000.000 đồng, ngày 25/09/2013 chị Trương Thị H đứng tên đại diện hộ gia đình vay vốn chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo số tiền 30.000.000 đồng (có xác nhận của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước). Đây là các khoản vay an sinh xã hội phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình trong đó có chị H và anh Bằng, việc vay vốn này theo Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước cung cấp là cả anh B và chị H đều biết khoản vay này và ký tên trong sổ vay vốn với Ngân hàng. Quá trình giải quyết Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước cũng khẳng định ông Trương Viết Hiền chưa từng vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước nhưng ngày 09/03/2018, ông Trương Viết Hiền đến Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước trả hết khoản nợ do bà Trương Thị Hạnh đứng tên vay vốn, số tiền trả là 38.106.619 đồng, trong đó trả nợ gốc 38.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày trả nợ là 106.619 đồng. Như vậy xác định số tiền 38.106.619 đồng chính là số tiền vợ chồng chị H và anh B nợ của ông Hiền. Buộc vợ chồng chị H và anh B phải liên đới có trách nhiệm trả cho ông Hiền số tiền này. Riêng số tiền vay 24.500.000 đồng chị H khai để mua trâu, xe trâu và làm chuồng trại. Xét thấy, việc mua trâu chị H và anh B đã vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước 50.000.000 đồng, mặt khác anh B không thừa nhận và không ký vào giấy vay tiền nên không có căn cứ để chấp nhận khoản vay này.

[4.2]. Đối với khoản nợ anh Dương Đình Chung. Chị H khai: đây là số tiền 7.000.000 đồng để anh Chung đổ đất trước nhà chống sạt lở. Anh B khai: anh thấy có vật liệu chở về nhà, có đất đổ trước nhà nhưng không biết tiền ở đâu để làm những việc này. Như vậy, đây là khoản nợ chung thực tế phục vụ cho gia đình của chị H và anh B. Sau đó, chị H đã vay tiền của người khác trả cho anh Chung vì vậy anh Bằng phải chịu trách nhiệm cùng với chị H đối với khoản tiền này.

[4.3]. Đối với khoản nợ chị Trương Thị Hậu. Chị H khai: vay số tiền 5.150.000 đồng để làm đám cưới cho con trai chị là Bùi Văn Thành. Anh Bằng khai: anh thấy có tổ chức đám cưới cho con nhưng không biết tiền ở đâu để làm những việc này. Chị Hậu khai: Vào ngày 20/02/2019 chị có cho chị H vay số tiền 5.150.000 đồng để mua lợn làm đám cưới cho cháu Thành. Hai bên thống nhất khi công việc đám cưới của cháu Thành xong xuôi chị H sẽ trả tiền cho chị. Tuy nhiên hiện nay số tiền này vợ chồng chị H vẫn chưa trả chị. Như vậy, đây là khoản nợ chung thực tế phục vụ cho gia đình của chị H và anh B, vì vậy anh B phải chịu trách nhiệm cùng với chị H đối với khoản tiền này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phân chia tài sản chung và công nợ chung giữa chị H và anh B như sau:

- Chia cho chị H toàn bộ mảnh đất ở tại nông thôn, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 02, diện tích 1696 m² trên đất có 01 ngôi nhà ba gian cấp 4, 01 nhà bếp, bán bình, chuồng trại, sân lát gạch tại thôn Dền Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước. Tổng giá trị đất và các tài sản trên đất là 370.596.000 đồng. Chị H có nghĩa

vụ trả nợ cho ông Hiền số tiền 38.106.619 đồng, làm tròn bằng 38.107.000 đồng (ba mươi tám triệu một trăm linh bảy nghìn đồng), trả cho chị Hậu số tiền 5.150.000 đồng, trả cho anh Chung số tiền 7.000.000 đồng (số tiền này chị Hạnh đã vay người khác trả cho anh Chung).

- Chị H có trách nhiệm đưa cho anh B số tiền chênh lệch tài sản là: $370.596.000 \text{ đ} - (38.107.000 \text{ đ} + 5.150.000 \text{ đ} + 7.000.000 \text{ đ}) = 320.339.000 \text{ đ} : 2 = 160.169.500 \text{ đ}$ (làm tròn bằng 160.170.000 đồng).

- Chia cho anh B 01 mảnh đất nông nghiệp trị giá 18.950.000 đồng; 01 mảnh đất Lâm nghiệp trị giá 4.500.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA trị giá 4.000.000 đồng. Tổng là 27.450.000 đồng. Anh Bằng có trách nhiệm đưa cho chị Hạnh số tiền chênh lệch tài sản là: $27.450.000 \text{ đồng} : 2 = 13.725.000 \text{ đ}$ (Mười ba triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Đối trừ hai khoản chị H phải đưa cho anh B số tiền chênh lệch tài sản là: $160.170.000 \text{ đồng} - 13.725.000 \text{ đ} = 146.445.000 \text{ đ}$ (Một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Tuy nhiên xét thấy tài sản có giá trị nhất của vợ chồng chị H và anh B là mảnh đất ở tại thôn Dàn Long. Mảnh đất này có nguồn gốc từ gia đình chị H, chị H có nhiều công sức trong việc tạo lập, duy trì mảnh đất này. Về phía anh B suốt ngày uống rượu say xỉn, bê tha, không lao động gì nên không có công sức đóng góp gì vào mảnh đất này. Hội đồng xét xử xét thấy nên để chị H đưa cho anh B số tiền chênh lệch tài sản tương ứng với số tiền 146.445.000 đ : $2 = 73.222.500 \text{ đ}$, làm tròn bằng 73.222.000 đ (Bảy mươi ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) là thể hiện sự công bằng và phù hợp pháp luật.

[5]. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.600.000đ. Theo quy định của pháp luật đối với vụ án ly hôn có yêu cầu chia tài sản chung thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí thẩm định, định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia. Chị H đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, vì thế anh B phải hoàn trả cho chị Hạnh số tiền $3.600.000 \text{ đ} : 2 = 1.800.000 \text{ đ}$ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

[6]. Về án phí: Do chị H và anh B đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình có sổ hộ nghèo. Chị H và anh B đều đề nghị xin miễn tiền án phí. Vì vậy căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị H và anh B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 33, 59, 63 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28, khoản 2 điều 157, khoản 2 điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

* Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Bùi Văn B.

* Về tài sản: Tuyên xử:

- Chia cho chị H toàn bộ mảnh đất ở tại nông thôn, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 02, diện tích 1696 m² và toàn bộ công trình trên đất có 01 ngôi nhà ba gian cấp

4, 01 nhà bếp, bán bình, chuồng trại, sân lát gạch tại thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 331168 do UBND huyện Bá Thước cấp ngày 15/10/2007).

- Chia cho anh B: 01 mảnh đất lâm nghiệp, thời hạn sử dụng 50 năm, số thửa 33, diện tích 3000 m² tại thôn Cốc Cáo, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước. (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 923077, do UBND huyện Bá Thước cấp ngày 20/4/2003); 01 mảnh đất nông nghiệp, thời hạn sử dụng 50 năm kể từ ngày 01/7/2014, bao gồm 5 thửa đất, thuộc tờ bản đồ số 16, tổng diện tích 947,5 m² tại thôn Cốc Cáo, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước. (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 525298, số vào sổ cấp GCN: CH000 ngày 12/8/2016 do UBND huyện Bá Thước cấp); 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE S Biển kiểm soát 36G5 – 060.98

- Chị H có nghĩa vụ đưa cho anh Bùi Văn B số tiền chênh lệch tài sản là: 73.222.000 đ (Bảy mươi ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Chị H có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trương Viết Hiền số tiền 38.107.000 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm linh bảy nghìn đồng).

- Chị H có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị Hậu số tiền 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh B được quyền lưu cư ở ngôi nhà tại Thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa để tìm nơi ở mới trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. *Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:* Anh B phải hoàn trả cho chị H số tiền 1.800.000 đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị H và anh B.

Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Trương Thị H, anh Bùi Văn B, ông Trương Viết Hiền và chị Trương Thị Hậu có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng chị Trương Thị H và anh Bùi Văn B còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại điều 357 BLDS năm 2015 trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn chị Trương Thị H, bị đơn anh Bùi Văn B. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Viết Hiền và chị Trương Thị Hậu, vắng mặt anh Bùi Văn Kỳ. Chị Trương Thị H, anh Bùi Văn B, ông Trương Viết Hiền và chị Trương Thị Hậu có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn Kỳ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bá Thước;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương Ngoại
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trương Thị Minh Thu

Lê Thị Hiền

Phạm Văn Hùng

